

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST.

Ngày: 26-9-2022

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Th ký phiên tòa: Bà Linh Thu H là Th ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng M - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 21, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976

HKTT: 306/21/1 ấp Bến S, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 21, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 34/95 Hải H, xã Long H, huyện L, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2. Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tổ 34/95 Hải H, xã Long H, huyện L, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

3. Anh Nguyễn Phước M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 306/21/1 ấp Bến S, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

4. Cháu Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 19/01/2019.

Người giám hộ cho cháu K: Chị Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Long Khánh 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

5. Cháu Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009.

Người giám hộ cho cháu Th: Chị Đoàn Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 5, xã An P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, Luật sư T, anh Đ, anh M, anh T có mặt; chị T, chị Ng, chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Mẹ chị là bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1946, chết năm 2015 và cha chị là ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1936, chết năm 2019. Khi còn sống cha mẹ chị tạo lập được khối tài sản gồm căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 37 xã T, huyện L diện tích 436m² được UBND huyện Long Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO379565 do cha mẹ của chị đứng tên.

Cha, mẹ chị chết không để lại di chúc. Cha mẹ chị có 02 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, chết năm 2020 và chị là Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Anh L có vợ tên Trần Thị Kim Ng có 01 người con Nguyễn Trần M K, sinh ngày 19/01/2019 (anh L và chị Ng kết hôn năm 2018) và có 01 con tên Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009 với chị Đoàn Ngọc H, sinh năm 1986 (anh L và chị H đã ly hôn năm 2015).

Ngoài ra mẹ chị còn có 03 người con riêng gồm:

1. Phạm Văn L, sinh năm 1965, đã chết năm 2011. Anh L có 02 người con là Phạm Duy T, sinh năm 1994 và Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001.

2. Nguyễn Phước M, sinh năm 1971

3. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976.

Ngoài ra không còn ai khác.

Di sản thừa kế do cha mẹ của chị để lại nên chị đề nghị phân chia di sản thừa kế như sau: Toàn bộ di sản thừa kế của cha chị thì chị và 02 người con của anh L (cháu K, cháu Th) được nhận; di sản thừa kế của mẹ chị để lại được chia làm 06 phần: Cha chị, chị, anh M, anh Đ, cháu T, cháu T (con anh Phạm Văn L), cháu K, cháu Th (con anh Nguyễn Văn L).

Chị yêu cầu được quản lý sử dụng căn nhà cấp 4 hiện nay để làm nơi thờ cúng và toàn bộ diện tích đất của cha mẹ chị để lại và có trách nhiệm thanh toán

giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn M Đ trình bày:** Cha anh là Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1939 và mẹ là Nguyễn Thị R, cha anh chết năm 2019, mẹ anh chết năm 2015. Cha mẹ anh có 02 người con là Nguyễn Phước M, sinh năm 1971 và anh.

Ngoài ra mẹ anh còn có 02 người con riêng gồm Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Anh L chết năm 2020, anh L có người con là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009 và Nguyễn Trần M K, sinh ngày 19/01/2019.

Mẹ anh còn có một người con riêng là Phạm Văn L, sinh năm 1965, chết năm 2011, anh L có 02 con là Phạm Duy T, sinh năm 1994 và Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001. Ngoài ra không còn ai khác.

Đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 37, xã T, trên đất có căn nhà cấp 4 do ông G và bà R để lại, hiện nay anh và chị H là người đang quản lý sử dụng.

Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế, chị H quản lý sử dụng nhà, đất có trách nhiệm thanh toán cho các hàng thừa kế, anh đồng ý với điều kiện chị H phải trả suất thừa kế của anh là 01 tỷ đồng.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước M trình bày:

Anh thừa nhận hàng thừa kế được hưởng tài sản của cha mẹ anh để lại theo chị H khai là đúng. Anh và em Nguyễn M Đ là con riêng của mẹ anh là bà Nguyễn Thị R, cha là ông Nguyễn Văn Ph. Ông G và bà R chỉ có 02 người con chung là Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn L cũng là con riêng của bà R, ngoài ra không còn ai khác.

Anh đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn chị H, anh được nhận phần giá trị tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật để chị H quản lý sử dụng tài sản nhà và đất.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy T trình bày: Anh là con trai của ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị B, cha mẹ anh có 02 người con: Anh là Phạm Duy T, sinh năm 1994 và Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001. Nhà của ông bà nội trước đây là do chú út Nguyễn Văn L và Nguyễn M Đ sinh sống, quá trình sinh sống tại đây, ông Đ, ông M và bà H đều phụng dưỡng chăm sóc ông bà nội, sau này ông bà nội lần lượt mất thì cô anh (bà H) muốn chia thừa kế để dọn đi nơi

khác sinh sống nên xảy ra tranh chấp. Anh đồng ý với ý kiến đề nghị của bà H và chấp hành phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu T trình bày: Sau khi ông bà nội mất, có để lại một mảnh đất và hai căn nhà tại xã T, huyện Long Thành, nay cô chị Nguyễn Thị H có xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất với ông Nguyễn M Đ. Chị đồng ý với ý kiến đề nghị của bà H và chấp hành phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật, chị xin hưởng thừa kế theo giá trị tài sản.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

-Tại bản tự khai ngày 17/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Ng trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Văn L, chị và anh L có con chung tên Nguyễn Trần M K, sau khi anh L chết và cha mẹ cH chết, anh Nguyễn M Đ kiếm chuyện để đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà và chiếm giữ căn nhà cấp 4 của mẹ con chị đang ở. Nay chị đồng ý theo ý kiến của chị H, chia thừa kế theo pháp luật, chị xin được nhận thừa kế chuyển tiếp của anh L theo quy định của pháp luật.

Chị Ng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

-Tại bản tự khai ngày 30/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, đến năm 2015, chị và anh L đã ly hôn. Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh năm 2009, hiện cháu đang sống với chị. Hiện nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ anh L để lại, chị là người giám hộ của cháu Th, chị đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế theo pháp luật cho cháu Th được nhận di sản thừa kế của anh L.

Chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đồng thừa kế được chia kỷ phần theo quy định của pháp luật và phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14.

Ý kiến Ph biểu của Luật sư Nguyễn Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tài sản thừa kế do ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn

Thị R để lại. Bà R chết năm 2015, ông G chết năm 2019. Bà R và ông G chết không để lại di chúc nên di sản của bà R để lại được chia cho ông G và các con bà R (chia làm 06 phần). Ông G có 02 người con là Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị H, anh L chết có vợ Trần Thị Kim Ng và 02 con, vì vậy, di sản của ông G được chia cho chị H, phần anh L được chia cho chị Ng và 02 con của anh L.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn G để lại tại xã T, huyện L nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Long Thành và quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu T, chị Trần Thị Kim Ng, chị Đoàn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, chị Ng và chị H.

[3] Về công bố chứng cứ: Tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Tòa án ra thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi cho các đương sự, không ai có ý kiến thắc mắc gì.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, diện tích đất 436m² và công trình xây dựng trên đất thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 37, xã T được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO379565 cấp cho bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn G đứng tên. Bà R và ông G chết không để lại di chúc, vì vậy, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị R có 05 người con: Phạm Văn L, sinh năm 1965, chết năm 2011, Nguyễn Phước M, sinh năm 1971, Nguyễn M Đ, sinh năm 1976, Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, chết năm 2020, Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Anh Phạm Văn L chung sống như vợ chồng với chị Huỳnh Thị B, sinh năm

1972 vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn có 02 con chung: Phạm Duy T, sinh năm 1994 và Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001.

Anh Nguyễn Văn L có vợ Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1981 có 01 con chung Nguyễn Trần M K, sinh ngày 19/01/2019. Anh L còn có 01 con chung với chị Đoàn Ngọc H (đã ly hôn năm 2015) là cháu Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009.

Ông Nguyễn Văn G có 02 người con là Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bà R và ông G không còn con đẻ và con nuôi nào khác.

Căn cứ theo Chứng Th thẩm định giá số 193/TĐG –CT ngày 16/8/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến, tổng giá trị tài sản là 5.051.657.000 đồng.

Ông G và bà R có 50% giá trị tài sản ($5.051.657.000 : 2 = 2.525.828.000$ đồng).

Bà R chết năm 2015 nên di sản của bà R được chia cho ông G và 05 người con gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Phạm Văn L, Nguyễn Phước M, Nguyễn M Đ. Như vậy, mỗi kỹ phần được hưởng 420.971.333 đồng (làm tròn: 420.971.000 đồng) ($2.525.828.000 : 6$).

Người thừa kế thế vị của anh Phạm Văn L là Phạm Duy T và Phạm Thị Thu T. Vì vậy, anh T và chị T mỗi người được chia số tiền 210.485.000 đồng ($420.971.000 : 2$).

Người thừa kế chuyển tiếp của anh Nguyễn Văn L là chị Trần Thị Kim Ng, cháu Nguyễn Trần M K, sinh ngày 19/01/2019 và cháu Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009, mỗi phần được chia 140.323.777 đồng ($420.971.000 : 3$).

Năm 2019, ông Nguyễn Văn G chết nên di sản của ông Nguyễn Văn G để lại gồm 2.525.828.000 đồng + 420.971.000 đồng = 2.946.799.000 đồng. Ông G có 02 người con là Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị H. Vì vậy, di sản của ông G được chia cho chị Nguyễn Thị H 1.473.399.000 đồng ($2.946.799.000 : 2$). Chị Trần Thị Kim Ng, cháu Nguyễn Trần M K và cháu Nguyễn Ngọc Anh Th là người thừa kế chuyển tiếp của anh Nguyễn Văn L, vì vậy chị Ng, cháu K, cháu Th mỗi phần được chia 491.133.000 đồng ($1.473.399.000 : 3$).

Như vậy, chị Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế tổng số tiền là 1.894.370.000 đồng ($1.473.399.000 + 420.971.000$ đồng).

Chị Trần Thị Kim Ng được chia số tiền 631.456.000 đồng ($491.133.000 + 140.323.000$ đồng).

Cháu Nguyễn Trần M K được chia số tiền 631.456.000 đồng ($491.133.000 + 140.323.000$ đồng).

Cháu Nguyễn Ngọc Anh Th được chia số tiền 631.456.000 đồng (491.133.000 đồng + 140.323.000 đồng).

Cháu K, cháu Th còn nhỏ nên chị Ng là người giám hộ cho cháu K, nhận và quản lý thay cho cháu K số tiền 631.456.000 đồng. Chị H là người giám hộ cho cháu Th, chị H nhận và quản lý thay cho cháu Th số tiền 631.456.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn M Đ là người đang quản lý tài sản của ông G, bà R để lại. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý để chị H quản lý di sản thừa kế nhưng phải thanh toán giá trị suất thừa kế cho anh là 1 tỷ đồng.

Xét thấy, các đồng thừa kế đều đồng ý giao cho chị H quản lý di sản thừa kế, vì vậy yêu cầu của chị H được tiếp tục quản lý di sản thừa kế, có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

Anh Đ yêu cầu được chia số tiền 01 tỷ đồng là không có cơ sở chấp nhận vì anh Đ chỉ được chia theo kỹ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị R để lại là 420.971.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.831.000 đồng ($1.894.370.000 \text{ đồng} = 36.000.000 + 1.094.370.000 \times 3\%$).

Anh Nguyễn M Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.839.000 đồng ($420.971.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 20.971.000 \text{ đồng} \times 4\%$).

Anh Nguyễn Phước M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.839.000 đồng ($420.971.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 20.971.000 \text{ đồng} \times 4\%$).

Anh Phạm Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.524.000 đồng ($210.485.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.524.000 đồng ($210.485.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Chị Trần Thị Kim Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng ($631.456.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 231.456.000 \text{ đồng} \times 4\%$).

Chị Trần Thị Kim Ng phải nộp thay cho cháu Nguyễn Trần M K tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng.

Chị Đoàn Thị H phải nộp thay cho cháu Nguyễn Ngọc Anh Th tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 34.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H đã tạm nộp số tiền này. Vì vậy, anh M, anh Đ, anh T, chị T, chị Ng, cháu K, cháu Th mỗi người phải trả lại cho chị H số tiền là 4.312.500 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[7] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 632; Điều 633; Điều 674; Điều 675; Điều 676, 677 và Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 357; Điều 468, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” với bị đơn anh Nguyễn M Đ.

2. Chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 436.0m² thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 37 xã T và công trình xây dựng trên đất ký hiệu (g) có diện tích 208,1m², thửa đất được giới hạn bởi các cột mốc (2,3,4,1,2) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 9205/2022 ngày 22/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành Ph hành.

Chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế sau:

Thanh toán cho anh Nguyễn Phước M số tiền 420.971.000 đồng.

Thanh toán cho anh Nguyễn Minh Đ số tiền 420.971.000 đồng.

Thanh toán cho anh Phạm Duy T số tiền 210.485.000 đồng.

Thanh toán cho chị Phạm Thị Thu T số tiền 210.485.000 đồng.

Thanh toán cho chị Trần Thị Kim Ng số tiền 631.456.000 đồng và cháu Nguyễn Trần M K, sinh ngày 19/01/2019 số tiền 631.456.000. Tổng cộng: 1.262.912.000 đồng. Chị Trần Thị Kim Ng được nhận thay cho cháu K.

Thanh toán cho cháu Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 16/9/2009 số tiền 631.456.000 đồng. Chị Đoàn Ngọc H nhận thay cho cháu Th.

4. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.831.000 đồng .

Anh Nguyễn M Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.839.000 đồng.

Anh Nguyễn Phước M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.839.000 đồng.

Anh Phạm Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.524.000 đồng

Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.524.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim Ng phải nộp thay cho cháu Nguyễn Trần M K tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng.

Chị Đoàn Ngọc H phải nộp thay cho cháu Nguyễn Ngọc Anh Th tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.258.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 34.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H đã tạm nộp số tiền này. Vì vậy, anh M, anh Đ, anh T, chị T, chị Ng, cháu K, cháu Th mỗi người phải trả lại cho chị H số tiền là 4.312.500 đồng (*chị Ng trả thay cho cháu K, chị H trả thay cho cháu Th*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Phước M, anh Nguyễn M Đ anh Phạm Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Thu T, chị Trần Thị Kim Ng, chị Đoàn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên